TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-PT
Ngày 23 tháng 8 năm 2022.
V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ.

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn
Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2022 và ngày 23/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2022/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 216/2022/TB-TA ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Trần Thị D, sinh năm 1930; Địa chỉ: Khu 5, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của cụ D: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu 11, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ (Có mặt ngày 19/8/2022 vắng mặt ngày 23/8/2022).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu 11, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Công Văn T - Luật sư Văn phòng luật sư Thọ Khang Ninh và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: số 8, ngõ 10 phố P G, tổ 32, cụm 5, phường P T, quận T H, thành phố Hà Nội. (có mặt).

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Khu 05, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Bà Phạm Thị T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.
(có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu 11, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ (có mặt ngày 19/8/2022 vắng mặt ngày 23/8/2022).

3. Bà Nguyễn Thị Ánh S, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 3/B5, tổ 17, khu phố 6, phường T D, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh S: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu 11, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ (Có mặt ngày 19/8/2022 vắng mặt ngày 23/8/2022).

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu 05, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ (có mặt ngày 19/8/2022 vắng mặt ngày 23/8/2022).

5. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu 05, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà 48, đường N 15, khu phố Đ T, phường T Đ H, thành phố xã D A, tỉnh Bình Dương (có mặt ngày 19/8/2022 vắng mặt ngày 23/8/2022).

7. Ông Nguyễn Xuân H (Hoàn), sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 19/4, tổ 4, khu phố T A, phường T V H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 05, khu phố 8, thị trấn V A, huyện V C, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà B16, tổ 3, khu phố 10, phường T P thành phố B H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

10. Ông Huỳnh Minh C (chồng bà Nguyễn Thị C, đã chết); Địa chỉ: Ấp K G, xã H H, huyện G R, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Xuân H (tức Hoan), ông Huỳnh Minh C: Ông Nguyễn Viết H, đồng thời là bị đơn trong vụ ân (có mặt).

11. Chị Huỳnh Thị Cẩm L (con bà Nguyễn Thị C, đã chết); Địa chỉ: Tổ 6, khu vực 4, phường T N, quận B T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

12. Chị Huỳnh Thị Thanh T (con bà Nguyễn Thị C); Địa chỉ: Tổ 30B, khu phố Đ C, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

13. Chị Huỳnh Thị Cẩm N (con bà Nguyễn Thị C); Địa chỉ: Thôn H Y, xã H C, huyện T L, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, đại diện của nguyên đơn cụ Trần Thị D là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cụ Trần Thị D và cụ Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Hai cụ sinh được 11 người con, gồm: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953, ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959, ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1961, bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963 (bà C đã chết năm 2010), ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, bà Nguyễn Thị Ánh S, sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1972.

Năm 2008 cụ Nguyễn Văn Đ chết. Khi chết cụ Đ không để lại di chúc. Khi đó các anh chị em trong gia đình đã lấy vợ, lấy chồng và ra ở riêng, chỉ có hai cụ ở

cùng nhau. Đến năm 2011 cụ D ốm, vợ chồng ông T đón cụ lên ở cùng từ đó đến nay.

Khi cụ Đ chết, hai cụ có các tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 4 trên diện tích 2554,6 m^2 đất (gồm 400 m^2 đất ở và 2154,6 m^2 đất vườn), đã được UBND huyện H H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/7/2003 mang tên cụ Nguyễn Văn Đ và một số tài sản trong nhà.

Ngày 12/5/2015 cụ D có lập di chúc (di chúc do ông H viết hộ) chia tài sản cho anh em trong gia đình.

Trong quá trình sử dụng, các anh em đã thực hiện di chúc của cụ D. Năm 2018, ông H đã xây nhà trên phần đất cụ D chia cho theo di chúc để ở, đồng thời ông T và ông H đã xây tường rào chia ô đất của hai cụ ra làm 4 phần, một phần ông H đã làm nhà, phần của ông H ở giữa, phần còn lại là nhà của hai cụ và của ông T. Tuy nhiên sau đó do anh em trong gia đình giữ nhà trái phép, phế truất quyền của cụ, nên ngày 13/01/2021 cụ D đã lập văn bản hủy bỏ di chúc này.

Đến nay cụ D nhất trí đề nghị chia diện tích đất qua kiểm tra hiện trạng thực tế hiện còn là 1632,2 m^2 cho cụ một nửa, một nửa còn lại là di sản của cụ Đ chia cho hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với ngôi nhà cụ đề nghị chia theo quy định.

- Ông Nguyễn Viết H xác nhận cụ D và cụ Đ có 11 người con (bà C đã chết năm 2010). Năm 2008 cụ Đ chết, khi chết cụ Đ không để lại di chúc. Ngày 12/5/2015 cụ D viết di chúc chia đất cho các con. Sau đó cụ D, ông T, ông H và ông đã xây tường rào chia đất cho nhau theo di chúc của cụ D. Riêng ông H đã xây nhà trên phần đất được chia này. Sau đó ông mới biết cụ D đã có văn bản hủy bỏ di chúc. Đến nay cụ D yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại, ông nhất trí với diện tích đất thực tế qua kiểm tra là 1632,2 m^2(gồm cả phần đất cụ D đã chia cho ông H làm nhà là 442,1 m^2). Tuy nhiên đối với phần đất cụ D bán cho ông Đỗ Duy Hưng năm 2016 là 139m^2 và phần cho ông H đã xây nhà có diện tích 442,1 m^2 phải tính vào tài sản của cụ D, không được tính vào di sản của cụ Đ để chia. Đối với ngôi nhà ông đề nghị chia theo pháp luật như ý kiến của cụ D.

Đối với các tài sản gồm 01 bàn thờ gỗ xoan, 01 đôn thờ, 01 hòm gỗ mỡ và 01 téc nước Tân Á, loại 500 lít (téc nước hiện ông đang sử dụng), anh chị em ông không đề nghị giải quyết, mà những tài sản này giao lại cho cụ D sở hữu và không đề nghị thanh toán gì.

- Ông Nguyễn Văn H xác nhận: Vào khoảng năm 2015 cụ D đã cho ông một phần đất trong phần đất của bố mẹ ông. Khi mẹ ông cho đất các anh chị em ông đều nhất trí, vì ông là thương binh hạng 2/4 và nhiễm chất độc da cam. Phần đất mẹ ông cho, năm 2018 ông đã xây một ngôi nhà cấp 4 để ở (hiện ông ở cùng 02 con và cháu, còn vợ chồng đã ly hôn), nhưng đến nay vẫn chưa làm thủ tục sang tên, mà phần đất này vẫn nằm trong sổ đỏ của bố mẹ ông. Lý do ông chưa làm thủ tục tách sổ đỏ là do trong quá trình chung sống vợ chồng ông mâu thuẫn với nhau.

Đến nay cụ D và ông T yêu cầu chia di sản của bố ông để lại ông cũng hoàn toàn nhất trí. Ông xác định bố ông có một nửa di sản trong khối tài sản chung với mẹ ông. Phần di sản của bố ông khi chết không để lại di chúc nên sẽ được chia cho mẹ ông và anh chị em mỗi người một phần theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Phần đất cụ D đã bán là 139 m^2 và phần đất cho ông làm nhà có diện tích 442,1 m^2 là tài sản của cụ D chứ không phải di sản của bố ông để lại.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông nhất trí với ý kiến của cụ D. Ông nhất trí chia diện tích đất hiện còn qua kiểm tra thực tế là 1632,2 m^2

Năm 2016 mẹ ông bán cho anh Đỗ Duy H 139 m^2 đất, nhưng việc chuyển nhượng đất này cho anh Đỗ Duy H các anh chị em trong gia đình và ông Nguyễn Viết H đều biết. Mẹ ông là người làm thủ tục ký các giấy tờ bán đất cho anh H, còn tiền thì bán đất thì ông T (bố đẻ anh Đỗ Duy H) giao cho ông Nguyễn Xuân H (H) và bà Nguyễn Thị T. Lý do mẹ ông phải chuyển nhượng 139 m^2 đất cho anh H là do ông H lấn đất của mẹ ông, nên mẹ ông mới bắt buộc phải ký giấy cho ông H bán cho vợ chồng anh H.

Phần diện tích đất 139 m^2 mẹ ông đã bán cho anh H không tính vào tài sản chung của bố mẹ ông. Diện tích đất còn lại của bố mẹ ông là 1632,2 m^2 (gồm cả phần ông H đã làm nhà ở là 442,1 m^2, nhưng cụ D đã hủy di chúc), cụ D đề nghị được sử dụng một nửa, phần còn lại của bố ông chia cho các hàng thừa kế theo quy định. Đối với ngôi nhà ông cũng đề nghị chia theo pháp luật.

Đối với 01 bàn thờ gỗ xoan, 01 đôn thờ, 01 hòm gỗ mỡ và 01 téc nước Tân Á loại 500 lít, ông H và những anh em trong gia đình thống nhất giao cho cụ D sở hữu và không phải thanh toán gì, ông H toàn nhất trí. Phần tài sản của ông được hưởng ông giao cho cụ D.

- Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Anh Đ; ông Huỳnh Văn Chánh, chị Huỳnh Thị Cẩm L, chị Huỳnh Thị Thanh T, chị Huỳnh Thị Cẩm N (chồng, con bà Nguyễn Thị C đã chết năm 2010), đều nhất trí chia di sản của cụ Nguyễn Văn Đ để lại. Ông H xác nhận, phần của những người này được hưởng họ giao cho ông sử dụng làm nhà từ đường thờ cúng tổ tiên.

- Bà Nguyễn Thị Ánh S nhất trí chia di sản của cụ Nguyễn Văn Đ để lại, phần của bà được hưởng sẽ giao cho ông Nguyễn Văn T sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 674, 675, 676 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 631, 635, 640, 643, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 76 Luật đất đai năm 1993, Điều 106 Luật đất đai năm 2003, Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Giao cho cụ Trần Thị D sử dụng phần đất có diện tích 835,7 m^2 (205 m^2 đất ở, 630,7 m^2 đất vườn), trị giá 1.637.972.000đ (Một tỷ sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 36, tại khu 05, thị trấn H H, huyện H H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V627898 của UBND huyện H H cấp ngày 18/7/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ (có vị trí số đo các cạnh: đoạn 5a-6 = 2,16m, đoạn 6-7 = 5,41m, đoạn 7-8 = 9,12m, đoạn 8-9 = 24,87m, đoạn 9-10 = 11,38m, đoạn 10-11 = 4,95m, đoạn 11-12 = 9,04m, đoạn 12-13= 19,78m, đoạn 13-1a = 6,75m, như sơ đồ kèm theo) và sở hữu 01 nhà xây

cấp 4 trên thửa đất này trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), 01 bàn thờ gỗ xoan, 01 đôn thờ, 01 hòm gỗ mỡ và 01 téc nước Tân Á loại 500 lít.

Cụ Trần Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Viết H trị giá 236 m^2 đất số tiền là 462.560.000đ (Bốn trăm sáu mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và trị giá phần di sản ngôi nhà số tiền là 7.497.000đ (Bảy triệu bốn trăn chín bảy nghìn). Tổng cộng 470.057.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu không trăm năm bảy nghìn đồng). (Ông H có nghĩa vụ phân chia lại cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Xuân, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đào và chồng, con của bà Nguyễn Thị C).

Cụ Trần Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H phần di sản ngôi nhà số tiền là 833.000đ (Tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Giao cho ông Nguyễn Viết H sử dụng phần đất làm di sản thờ cúng có diện tích 354,4 m^2 (80 m^2 đất ở, 274,4 m^2 đất vườn) trị giá 694.624.000đ (Sáu trăm chín tư triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 36 tại khu 05, thị trấn H H, huyện H H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V627898 của UBND huyện H H cấp ngày 18/7/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ (có vị trí số đo các cạnh: đoạn 1-1a = 6,75m, đoạn 1a-5a = 55,6m, đoạn 5a-5 = 2,77m, đoạn 5-4a = 3,52m, đoạn 4a-1 = 59,1m, như sơ đồ kèm theo) và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất này.

3. Giao cho ông Nguyễn Văn H sử dụng phần đất có diện tích 442,1 m^2 (115 m^2 đất ở, 327,1 m^2 đất vườn), trị giá 866.516.000đ (Tám trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng), thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 36 tại khu 05, thị trấn H H, huyện H H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V627898 của UBND huyện H H cấp ngày 18/7/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ (có vị trí số đo các cạnh: đoạn 1-2 = 38,89m, đoạn 2-3 = 23,85m, đoạn 3-4 = 3,81m, đoạn 4-4a = 6,43mm, đoạn 4a-1 = 59,1m, như sơ đồ kèm theo) và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất này. Ông H có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Trần Thị D trị giá 368,3m2 đất số tiền là 721.868.000đ (Bảy trăm hai mốt triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Đối trừ phần cụ D thanh toán cho ông H 833.000đ (Tám trăm ba mươi ba nghìn đồng). Ông H còn phải thanh toán cho cụ D số tiền là 721.035.000đ (Bảy trăm hai mươi mốt triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 357của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Không phải giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho cụ D, ông H và ông H do đều là người cao tuổi.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Viết H là bị đơn; ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thanh X là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Trần Thị D kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ với nội dung không đồng ý việc giải quyết theo hình thức quy đổi bằng tiền. Xem lại tính hợp pháp của ngôi nhà anh trai (ông H) xây dựng trên đất là di sản thừa kế bố ông để lại.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân H (tức Hoàn), chị Huỳnh Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Anh Đ là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Nội dung kháng cáo đề nghị xác nhận phần đất chuyển nhượng cho Nguyễn Xuân H (tức H) và phần ông H sử dụng được trừ vào phần quyền về tài sản của cụ D. Đề nghị chia phần đất giao cho ông H làm nơi thờ cúng có diện tích nhiều hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có yêu cầu kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông H, bà T, bà X đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Viết H cùng các anh chị em ông Nguyễn Viết H theo quy định pháp luật về đất đai, thừa kế, đề nghị chia đủ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Viết H và những người được hưởng thừa kế đã ủy quyền cho ông Nguyễn Viết H. Do Tòa án nhân dân huyện H H là cấp sơ thẩm đã xét xử có Bản án sơ thẩm nhưng không đảm bảo khách quan công bằng, chưa đúng pháp luật, bị kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2002/DSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H H và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo hướng chia thừa kế đủ phần quyền sử dụng đất cho ông H và những người được hưởng thừa kế đã ủy quyền cho ông Nguyễn Viết H.

* Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H: Đề nghị Tòa án công nhận phần đất ông H đang sử dụng được xác định là đã cho bằng phần quyền của cụ D, ngoài ra ông H còn được hưởng phần đất thừa kế của cụ Đ khoảng 73,8 m^2 bảo đảm công bằng và thể hiện chính sách của nhà nước với người có công.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hủy bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của TAND huyện H H. Giao hồ sơ cho TAND huyện H H giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị D; Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Viết H là bị đơn; ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân H (tức H), chị Huỳnh Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Anh Đ là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Trần Thị D; Ông Nguyễn Viết H là bị đơn; Ông Nguyễn Văn H; Bà Nguyễn Thị T; Bà Nguyễn Thị Thanh X; Bà Nguyễn Thị H; Ông Nguyễn Xuân H (tức Hoàn); Chị Huỳnh Thị Thanh T; Bà Nguyễn Thị T; Bà Nguyễn Thị Anh Đ đều thể hiện không đồng ý với việc chia quyền sử dụng đất và thanh toán tiền thay bằng chia quyền sử dụng đất là có cơ sở bởi các lập luận sau:

Di chúc lập ngày 12/5/2015 không có hiệu lực một phần kể từ thời điểm lập di chúc do người lập di chúc không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản.

Không có cơ sở cho rằng ông H biết cụ D lập di chúc. Ông H cho rằng việc lập di chúc là di chúc ngầm chứ không công khai cho các anh chị em biết mà chỉ có ông cùng cụ D và ông T biết có di chúc ngày 12/5/2015. Nên cần làm rõ nếu có cơ sở thì xác định ông H đã được tặng cho quyền sử dụng đất thuộc phần quyền tài sản của cụ D.

Khi thẩm định và định giá tài sản xác định ngôi nhà cũ của cụ D và cụ Đ xây dựng trước đây có giá trị 20 triệu đồng. Việc không chia đất vì làm ảnh hưởng đến ngôi nhà trên là không hợp lý dẫn đến phải thanh toán chênh lệch khó khăn cho việc thi hành án.

Lời khai của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, các nội dung ủy quyền của vụ án chưa được thu thập một cách đầy đủ để có cơ sở giao quyền sử dụng đất cho ông H.

Việc buộc cụ D và ông H thanh toán khoản tiền lớn sẽ khó khăn cho giai đoạn thi hành án và chưa bảo đảm tính hợp lý khi giải quyết vụ án dân sự.

Để có được các chứng cứ quan trọng cho việc quyết định đường lối (nội dung) giải quyết vụ án cần phải có đầy đủ lời khai của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và người được hưởng thừa kế lại thông qua làm việc trực tiếp, thông qua ủy quyền đầy đủ hoặc kết quả ủy thác của Tòa án nơi họ cư trú. Do các chứng cứ trên chưa đầy đủ và không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm, do vậy cần hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa; Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H; Quan điểm của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2022: Ông Nguyễn Văn T là Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị D tự nguyện

chịu không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vây, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết đối với vấn đề này.

[6] Về án phí: Do vụ án bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy để giải quyết lại nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Chuyển hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 22/2022/TLPT-DS ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cho Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ giải quyết lại vụ án theo thẩm quyền.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Trần Thị D; ông Nguyễn Viết H là bị đơn; ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân H (tức H), chị Huỳnh Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Anh Đ là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Thanh T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004871 ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H H, tỉnh Phú Thọ do ông Nguyễn Viết H nộp thay.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Anh Đ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004872 ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H H, tỉnh Phú Thọ do ông Nguyễn Viết H nộp thay.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh X 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004873 ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H H, tỉnh Phú Thọ do ông Nguyễn Viết H nộp thay.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004873 ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H H, tỉnh Phú Thọ do ông Nguyễn Viết H nộp thay.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện H H;
- TAND huyện H H;
- Chi cục THADS huyện H H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Vũ